

BÁO CÁO

**Sơ kết Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn
tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014 - 2016 và định hướng đến năm 2020**

I. Công tác triển khai thực hiện Đề án:

Căn cứ Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014 - 2016 và định hướng đến 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể thực hiện cụ thể hóa Đề án, như sau:

Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014 - 2016 và định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thành lập Ban Chỉ đạo Xây dựng cánh đồng lớn; Ban Chỉ đạo Đề án chuyển đổi cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (Đề án 1000) và Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2014 - 2016 và định hướng đến năm 2020;

Công văn số 477/VP.UBND-KTN ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ủy quyền ký văn bản ban hành quy trình triển khai thực hiện đề án 1000;

Công văn số 1450/UBND-KTN ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc mở rộng địa điểm triển khai thực hiện Đề án 1000;

Công văn số 565/UBND-KTN ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh quy mô Hợp phần 4 Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014 - 2016 và định hướng đến 2020.

Trên cơ sở chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Đề án và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức triển khai thực hiện chi tiết bằng nhiều văn bản, cụ thể:

Quyết định số 71/QĐ-BCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Trưởng ban Ban Chỉ đạo 1185 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng cánh đồng lớn; Ban Chỉ đạo Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2014 - 2016 và định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 02/QĐ-BCĐ ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Ban Chỉ đạo 1185 về việc ban hành Quy trình triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014 - 2016 và định hướng đến 2020 (Đề án 1000);

Quyết định số 61/QĐ-BCĐ ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Trưởng ban Ban Chỉ đạo 1185 về việc ban hành Quy trình triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014 - 2016 và định hướng đến 2020 (Đề án 1000);

Kế hoạch số 72/KH-BCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Ban Chỉ đạo 1185 về tổ chức thực hiện Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014 - 2016 và định hướng đến 2020 (Đề án 1000);

Kế hoạch số 177/KH-SNNPTNT ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổ chức thực hiện Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014 - 2016 và định hướng đến 2020;

Công văn số 789/SNNPTNT-KHTC ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy trình triển khai thực hiện Kế hoạch số 177/KH-SNNPTNT ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. Kết quả thực hiện:

1. Công tác tuyên truyền vận động và đăng ký tham gia thực hiện Đề án

- Thành lập Ban Chỉ đạo: có 8/8 huyện, thị xã, thành phố đều thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện để chỉ đạo Đề án. Hầu hết Ban Chỉ đạo cấp huyện tích cực chỉ đạo ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền và vận động đến hộ dân hiểu, tích cực tham gia Đề án.

- Đến nay, tổng số hộ dân đăng ký tham gia thực hiện Đề án 1.000 là 2.960 hộ (đạt 57,4% kế hoạch Đề án), trong đó:

+ Hợp phần 1: chuyển đổi 1.000ha vườn tạp sang cây trồng khác có giá trị kinh tế. Đã có 1.163 hộ thực hiện chuyển đổi, với tổng diện tích 505,1ha (đạt 50,51%).

+ Hợp phần 2: chuyển đổi 1.000ha diện tích mía kém hiệu quả, năng suất thấp, không có đề bao ngăn lũ, diện tích manh mún, nhỏ lẻ sang các cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn; kết hợp màu - thủy sản - chăn nuôi,... tăng thu nhập cho người dân. Đã có 497 hộ thực hiện chuyển đổi, với tổng diện tích 435,94ha (đạt 43,59%).

+ Hợp phần 3: chuyển đổi 1.000ha lúa 3 vụ sang 2 lúa - 1 màu và 2 lúa - 1 thủy sản. Đã có 264 hộ thực hiện chuyển đổi, với tổng diện tích nuôi thủy sản 219,59ha và rau màu 50,51ha (đạt 27,01%).

+ Hợp phần 4: chuyển đổi 1.000 hộ chăn nuôi heo, gà nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung trên nền đệm lót sinh học, nuôi gà thả vườn theo hướng an toàn dịch bệnh gắn với bảo vệ môi trường, tận thu khí sinh học... Đã có 1.036 hộ thực hiện chuyển đổi, đạt 103,6% (trong đó: có 408 hộ nuôi heo - hầm ủ Biogas; có 331 hộ nuôi heo trên đệm lót sinh học; có 250 hộ nuôi gà trên đệm lót sinh học và có 47 hộ đăng ký thực hiện cả 02 loại hình).

2. Tiến độ thực hiện Đề án

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tổng nguồn vốn thực hiện Đề án là 51,454 tỷ đồng, đạt 17,49% tổng kinh phí Đề án. Trong đó:

- Vốn dân thực hiện: 15,133 tỷ đồng.

- Ngân hàng đã giải ngân được 35,311 tỷ đồng/632 hộ, cụ thể:

+ Hợp phần 1: 8,834 tỷ đồng/234 hộ.

+ Hợp phần 2: 8,961 tỷ đồng/184 hộ.

+ Hợp phần 3: 1,036 tỷ đồng/25 hộ.

+ Hợp phần 4: 16,480 tỷ đồng/189 hộ.

- Vốn ngân sách (kinh phí đặc thù khuyến nông, vốn hỗ trợ phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới): 1.010 tỷ đồng, cụ thể:

+ Ngân sách tỉnh: 976,4 triệu đồng.

+ Ngân sách cấp huyện (theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất trồng lúa): 34,1 triệu đồng (trong đó, huyện Châu Thành A: 22,1 triệu đồng; thành phố Vị Thanh: 12 triệu đồng).

- Tổng kinh phí hỗ trợ lãi vay 5 kỳ với số tiền 996,48 triệu đồng.

3. Hiệu quả một số mô hình và sự lan tỏa của Đề án:

3.1. Hiệu quả một số mô hình:

3.1.1. Hợp phần 1 và 2:

- Nông dân đang trong quá trình cải tạo vườn tạp, ruộng mía để chuyển đổi sang cây trồng mới có hiệu quả cao hơn.

- Việc trồng tập trung với các cây trồng thế mạnh đã góp phần hình thành các vùng chuyên canh cây ăn trái. Đây là cơ sở để phát triển các vườn cây theo hướng sạch bệnh, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường và sức khỏe con người.

3.1.2. Hợp phần 3:

- Đối với chuyển đổi 2 lúa - 01 màu: hiệu quả đem lại cho nông dân gấp 1,5 lần so với trồng lúa vụ Hè Thu.

- Đối với chuyển đổi 2 lúa - 01 thủy sản: hiệu quả đem lại cho nông dân gấp 02 lần so với trồng lúa vụ Thu Đông.

- Nông dân biết áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, đầu tư nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế đem lại hiệu quả cho gia đình; đồng thời, giảm một phần chi phí phân bón cho vụ lúa Đông Xuân.

Tuy nhiên, Hợp phần này khó nhân rộng do nhu cầu ít, thời gian quay vốn ngắn; đồng thời, thời tiết biến động mạnh trong cuối năm 2015, đầu năm 2016 (hạn kéo dài và mặn xâm nhập sâu).

3.1.3. Hợp phần 4: từ khi triển khai, hầu hết các hộ nuôi đều có lợi nhuận.

- Mô hình nuôi heo trên đệm lót sinh học: lợi nhuận từ 13 - 15 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình nuôi heo kết hợp hầm ủ Biogas: lợi nhuận từ 11 - 13 triệu đồng/mô hình. Ngoài ra, còn tận dụng được khí gas để sử dụng trong gia đình.

- Mô hình nuôi gà kết hợp đệm lót sinh học: lợi nhuận từ 10 - 12 triệu đồng/mô hình.

- Về thời gian nuôi:

- + Mô hình nuôi heo trên đệm lót sinh học có thời gian nuôi (khoảng 3 tháng) ngắn hơn mô hình nuôi heo kết hợp hầm ủ (khoảng 4 tháng).

- + Mô hình nuôi gà trên đệm lót sinh học: thời gian nuôi trung bình 3 tháng, tương đương với nuôi bình thường. Tuy nhiên, mô hình này đã hạn chế được ô nhiễm môi trường so với nuôi truyền thống.

- Các hộ vẫn tiếp tục nuôi giai đoạn tiếp theo khi có sự hỗ trợ của Đề án, nhằm phát triển kinh tế gia đình.

3.2. Sự lan tỏa của Đề án:

Tuy vốn thực hiện chỉ đạt 17,49% tổng kinh phí Đề án, nhưng sức lan tỏa của nó rất lớn. Đề án sau khi triển khai đã giúp nông dân mạnh dạn trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, góp phần thay đổi sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Sau 02 năm thực hiện (tính đến cuối năm 2015), sự thay đổi cụ thể như sau:

Loại cây/con	Trước Đề án (năm 2013)	Tính đến hết năm 2015	Sự thay đổi (+; -)
Cây Mía	13.915ha	10.857ha	- 3.058ha
Cây ăn trái	27.489ha	34.432ha	+ 6.943ha
Gà	1.140.000 con	1.176.000 con	+ 36.000 con
Heo	119.462 con	165.060 con	+ 45.598 con

- Đối với Hợp phần 1 và 2: cây ăn trái các loại đã tăng từ 27.489ha lên 34.432ha, đã chuyển đổi được 3.058ha mía + 3.943ha vườn cây kém hiệu quả thành 7.001ha cây ăn trái có giá trị cao (chủ yếu Cam Sành, Chanh không hạt, Quýt, Xoài,...) góp phần cho 2 Hợp phần này thành công rất lớn.

- Đối với Hợp phần 4: tăng 36.000 gà + 45.598 heo, tương đương 1.210 hộ (cụ thể: 71 hộ nuôi gà + 1.140 hộ nuôi heo theo chuẩn của Đề án 500 gà/hộ và 30 heo/hộ) cho thấy thành công khá cao của Hợp phần.

Hiện Hợp phần 4 đã được chủ trương giảm quy mô nuôi xuống còn 15 heo/hộ và 200 gà/hộ, đáp ứng nhu cầu vay chuyển đổi trong dân từ nay đến cuối năm 2016.

- Đối với Hợp phần 3 chưa đạt yêu cầu (chỉ giải ngân đạt 1,036 tỷ đồng/25 hộ), với các nguyên nhân sau:

+ Tình hình khô hạn kéo dài nên không thể thực hiện tốt việc nuôi thủy sản trên ruộng lúa; khó phát triển diện tích cây rau, màu/vụ xuân hè.

+ Tình hình xâm nhập mặn không thể xuống giống trồng bất cứ cây trồng nào khác tại vùng lúa kém hiệu quả.

III. Đánh giá chung tình hình triển khai thực hiện Đề án:

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự quyết tâm trong tổ chức triển khai thực hiện của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh và sự đồng tình hưởng ứng cao của người dân nên bước đầu triển khai thực hiện rất thuận lợi.

- Đề án được các huyện, thị xã, thành phố triển khai rộng rãi trong Nhân dân, giúp Nhân dân hiểu, chủ động đăng ký thực hiện.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể các cấp có liên quan tích cực trong hỗ trợ vận động dân tham gia Đề án.

- Ngân hàng vẫn tạo điều kiện giải ngân vốn cho nông dân vay sản xuất khi không đủ điều kiện vay theo Đề án (đối với những hộ có quy mô sản xuất không đạt tiêu chuẩn theo Đề án, Ngân hàng vẫn cho vay nhưng không được hỗ trợ theo Đề án), góp phần đẩy nhanh sự lan tỏa của Đề án trong nông thôn. Ngân hàng hỗ trợ, tạo điều kiện tốt.

- Đề án được mở rộng địa điểm triển khai các hợp phần đến tất cả các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh theo nhu cầu chuyển đổi của người dân.

- Cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, nâng cấp tạo điều kiện lưu thông hàng hóa nông sản và tiêu dùng; đề bao thủy lợi được đầu tư khép kín tạo điều kiện cho sản xuất phát triển.

- Công tác chuyển giao, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất được quan tâm và được ứng dụng nhiều vào sản xuất. Tình hình dịch bệnh được khống chế; cơ giới hóa trong nông nghiệp ngày càng tăng; liên kết sản xuất bước đầu được hình thành, một số sản phẩm nông nghiệp được ký hợp đồng tiêu thụ, hạn chế tình trạng bị thương lái ép giá.

2. Khó khăn, hạn chế:

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong quá trình triển khai Đề án vẫn còn gặp một số khó khăn như sau:

- Việc tập trung triển khai còn chậm, do đây là Đề án mới thực hiện lần đầu, đối tượng rộng; quy trình phải điều chỉnh sau khi ban hành và mỗi bước cần có nhiều thời gian nên cũng phần nào làm chậm tiến độ Đề án.

- Hầu hết nông dân đăng ký thực hiện đều đã có vay vốn sản xuất từ trước và điều kiện để vay theo Đề án chưa đáp ứng theo yêu cầu của Ngân hàng nên giải ngân theo Đề án còn thấp (chiếm dưới 20%).

- Hợp phần 3 (chuyển đổi đất lúa 3 vụ sang 2 lúa - 1 màu; 2 lúa - 1 thủy sản) một số địa phương không triển khai được do chưa phù hợp với nhu cầu người dân, gồm: huyện Phụng Hiệp, thị xã Ngã Bảy.

- Hợp phần 2: đối với thị xã Ngã Bảy có nhu cầu rất ít.

- Hợp phần 4: trong quá trình thực hiện, có một số bất cập về quy mô đàn khi nông dân tham gia Đề án (cụ thể quy mô đàn heo tối thiểu 30 con/trại và quy mô đàn gà tối thiểu 500 con/trại), quy mô này đã vượt quá sức của dân và người dân gặp khó khi tham gia Đề án.

- Kinh tế hợp tác chưa phát huy hiệu quả thiết thực, dẫn đến trở ngại trong liên kết với doanh nghiệp và tập trung được nguồn lực, tập trung cho sản xuất dẫn đến tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, gây hạn chế trong đầu tư, liên kết.

3. Nguyên nhân:

- Diễn biến thời tiết bất thường (tác động của El Nino) từ những tháng cuối năm 2015 và đầu năm 2016 (hạn hán và xâm nhập mặn) và diễn biến thị trường các loại rau màu có biến động mạnh, bất lợi khi nông dân chuyển đổi nhiều; việc nuôi cá trên ruộng khó tăng diện tích, từ đó dẫn đến việc thực hiện Hợp phần 3 còn hạn chế.

- Đối với Hợp phần 4, mục tiêu ban đầu kỳ vọng chăn nuôi được tập trung với quy mô lớn, nhằm giảm giá thành sản xuất, giảm rủi ro dịch bệnh, đem lại lợi nhuận cao hơn cho người chăn nuôi nhưng quy mô này đã vượt quá sức của dân.

- Nhận thức của một số cán bộ, đảng viên, của các ban, ngành, đoàn thể huyện, xã, ấp về Đề án 1000 chưa sâu, nên công tác triển khai thực hiện còn chậm; đồng thời, việc thông báo về các điều kiện tham gia Đề án và các khoản hỗ trợ lãi suất còn nhiều lúng túng, chưa được cụ thể và chính xác nên dễ gây nhầm lẫn cho người dân khi tham gia Đề án.

IV. Định hướng những tháng còn lại của Đề án:

- Tiếp tục thông tin, tuyên truyền, vận động và phổ biến sâu rộng nội dung Đề án để người dân hiểu rõ và tích cực tham gia thực hiện.

- Đôn đốc các địa phương phối hợp chặt chẽ với các Ngân hàng trong việc thẩm định hộ dân đủ điều kiện tham gia Đề án.

- Tiếp tục đẩy nhanh việc thực hiện đăng ký tham gia các Hợp phần của Đề án trong những tháng cuối năm 2016, đẩy nhanh tiến độ thẩm định và giải ngân để kịp tiến độ kế hoạch đề ra.

Trên đây là báo cáo sơ kết Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014 - 2016 và định hướng đến năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

(Đính kèm Phụ lục)

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở NNPTNT;
- Lưu: VT, VX. HH

d:\2016\BC\T6\BC Đề án 1000

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Cảnh Tuyên